TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS - ST
Ngày: 04/02/2021.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ân.
2. Ông Lê Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2020/TLST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐST - DS ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé Q - Sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp A, xã TLT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phan Văn D - Sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp THN, xã TPT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre (vắng mặt - có đơn xin vắng).

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hồng Q - Sinh năm: 1947; địa chỉ: ấp LN, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đào Thị Minh N - Sinh năm: 1947; địa chỉ: ấp LN, xã LP, huyện GT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt - có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện , trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Trước đây, bà Nguyễn Thị Bé Q có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo với ông Nguyễn Hồng Q và bà Đào Thị Minh N. Cách mua bán là bà Q cung cấp thức ăn cho ông Q, bà N để chăn nuôi heo. Sau khi bán heo thì thanh toán cho bà tổng số tiền thức ăn mà bà đã cung cấp.

Do ông Q, bà N thanh toán tiền không đầy đủ nên tính đến ngày 15/6/2018 thì ông Q, bà N còn nợ số tiền thức ăn chăn nuôi là 606.024.000đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Nay bà Q yêu cầu ông Q, bà N liên đới trả cho bà số tiền thức ăn còn nợ là 606.024.000đồng. Bà Q không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Trước đây ông có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi với bà Nguyễn Thị Bé Q. Do việc chăn nuôi gặp khó khăn nên dẫn đến thua lỗ. Tính đến hiện tại, vợ chồng ông còn nợ bà Q số tiền 606.024.000đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Nay ông đồng ý trả cho bà Quyên số nợ nói trên. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông đề nghị được trả từ từ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị Minh N trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có yêu cầu được vắng mặt và bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩ m tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Bé Q yêu cầu ông Nguyễn Hồng Qvà bà Đào Thị Minh N liên đới trả lại số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 606.024.000đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về mối quan hệ tranh chấp, nội dung tranh chấp và số tiền tranh chấp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với việc bà Đào Thị Minh N vắng mặt nhưng bà đã được ông Q thông báo về nội dung vụ án và bà cũng thống nhất với yêu cầu của ông Q nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với sự thật khách quan của sự việc nên cần buộc ông Q, bà N liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ là 606.024.000đồng là phù hợp. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Đối với số tiền lãi 153.189.000đồng mà nguyên đơn yêu cầu trong đơn khởi kiện: Do trong quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin giải quyết vắng mặt phía nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu này nên cần đình chỉ.

[3] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định. Do ông Q và bà N là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các điều 147, 244, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 12, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé Q.

Buộc ông Nguyễn Hồng Q và bà Đào Thị Minh N phải liên đới trả lại cho bà Q số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ là 606.024.000đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu không trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Ghi nhận việc bà Q không yêu cầu trả lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé Q đối với số tiền lãi là 153.189.000đồng (một trăm năm mươi ba triệu một trăm tám mươi chín ngàn đồng).

3. *Về án phí sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Hồng Q và bà Đào Thị Minh N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải nộp án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.184.000đồng (mười bảy triệu một trăm tám mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006733 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Dương Ngọc Tú